

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 17/9/2019

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Ông Nguyễn Cường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đinh Ngọc Kính** - Kiểm sát viên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1058/2019/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Họ và tên: **Phạm Duy M**, sinh năm 1967, tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 4B, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nguyên phó giám đốc nông trường Cao su E; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn H2 và bà Nguyễn Thị C1; bị cáo có vợ Nguyễn Thị N, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Phạm Thị Th – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su E1; địa chỉ: 499 đường G, thị trấn E2, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Toàn N1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nghiêm Quốc K – Chức vụ: Trưởng phòng thanh tra bảo vệ, quân sự của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su E1. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn những người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cao su E1 (sau đây gọi là Công ty cao su E1) được thành lập theo Quyết định số 109/QĐ-HĐQTCSVN ngày 04/5/2010 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc Phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty cao su E1 thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty Cao su E1 do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được Nhà nước (thông qua tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam) giao quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào công ty.

Nông trường cao su E được thành lập theo Quyết định số 168/CSEL-HĐTV-QĐ ngày 08/6/2010 của Công ty Cao su E1 về việc thành lập Nông trường E là đơn vị thuộc Công ty Cao su E1. Ông Lê Văn D được bổ nhiệm làm Giám đốc Nông trường E theo Quyết định số 238/QĐ-CSEL ngày 14/6/2012 của Công ty Cao su E1.

Phạm Duy M là cán bộ kế toán tại nông trường E từ năm 1996. Ngày 03/5/2013, M được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Nông trường E và được phân công nhiệm vụ giúp Giám đốc Nông trường trong các lĩnh vực nội chính, đối nội, đối ngoại, phụ trách lĩnh vực tài chính của đơn vị (cụ thể tiền lương, ngân hàng, các chế độ chính sách của đơn vị), lĩnh vực vật tư, phân bón, phụ trách vườn cây (theo Biên bản họp về việc phân công nhiệm vụ trong Ban giám đốc ngày 28/6/2013 và Thông báo về việc phân công lại nhiệm vụ trong Ban giám đốc ngày 10/4/2015). Phạm Duy M là Phó giám đốc phụ trách lĩnh vực tài

chính, tuy nhiên thời điểm trước năm 2015, do Nông trường không có kế toán nên M thực hiện công việc của kế toán. Từ năm 2015, Lê Hữu B được bổ nhiệm làm kế toán Nông trường nên B phụ trách lập chứng từ kế toán. Toàn bộ việc nhận tiền từ Công ty đều do M nhận, thu lại các khoản trừ sau đó mới giao cho B và Trần Thị H là thủ kho của Nông trường tham gia phát lương cho công nhân. Nếu B nhận tiền từ Công ty thì cũng thu các khoản trừ và giao lại cho M. Trong thời gian từ năm 2012 đến 2016, Phạm Duy M đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và lạm dụng nhiệm vụ quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

* Trong thời gian công tác bị cáo đã lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

- Chiếm đoạt số tiền 744.435.000đ của Công ty cao su E1.

Theo quy định tại Công văn số 450/TB-CSEL ngày 31/11/2014 của Công ty cao su E1 quy định, chỉ có thủ trưởng các đơn vị mới được ký đề nghị tạm ứng. Người nhận tiền tạm ứng là người trực tiếp trình lãnh đạo công ty duyệt giấy đề nghị tạm ứng đó. Trong thời gian tháng 01- 02/2016, Phạm Duy M đã giả chữ ký của ông Lê Văn D tại 05 Giấy đề nghị tạm ứng và đã nhận tiền tạm ứng tại Công ty Cao su E1 với số tiền 884.000.000đ. Cụ thể: Giấy đề nghị tạm ứng ngày 01/01/2016, đề nghị tạm ứng 117.000.000đ, lý do tạm ứng: Tiền ăn giữa ca tháng 01/2016 và đã được Công ty ký duyệt tại phiếu chi số 05 ngày 04/01/2016, M là người trực tiếp ký nhận tiền; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 14/01/2016, đề nghị tạm ứng 32.000.000đ, lý do tạm ứng: Chi tiền hội nghị và sửa máy bơm thuốc và đã được Công ty ký duyệt tại phiếu chi số 47 ngày 14/01/2016, M là người trực tiếp ký nhận tiền; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 25/01/2016, đề nghị tạm ứng 550.000.000đ, lý do tạm ứng: Chi lương tháng 01/2015 và đã được Công ty ký duyệt tại phiếu chi số 99 ngày 27/01/2016, M là người trực tiếp ký nhận tiền; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 28/01/2016, đề nghị tạm ứng 145.000.000đ, lý do tạm ứng: Phun phòng bệnh phấn trắng và chi phí kiểm kê và đã được Công ty ký duyệt tại phiếu chi số 123 ngày 01/02/2016, M là người trực tiếp ký nhận tiền; Giấy đề nghị tạm ứng ngày 02/02/2016, đề nghị tạm ứng 70.000.000đ, lý do tạm ứng: Chi phí phòng cháy mùa khô 40.000.000đ và tháo gỡ chum gửi 30.000.000đ và đã được Công ty ký duyệt số tiền 40.000.000đ tại phiếu chi số 208 ngày 03/02/2016, M là người trực tiếp ký nhận tiền.

Sau khi nhận tiền tạm ứng, M đã chi tiền và hoàn ứng vào các khoản như sau: Ngày 01/02/2016, Nông trường E lập đề nghị thanh toán số tiền 107.565.000đ tiền ăn giữa ca tháng 01/2016. Ngày 04/02/2016, M giả chữ ký của ông D lập bản cam kết xin hoàn ứng 35.000.000đ tiền ăn giữa ca nhưng thực tế M nộp 37.565.000đ hoàn ứng. Còn lại số tiền 79.435.000đ; Ngày 12/4/2016, ông B là kế toán nông trường E nộp hoàn ứng 45.000.000đ; Chi 22.000.000đ cho tổ trưởng các tổ công đoàn để tổ chức hội nghị cấp tổ và nông trường, đồng thời giao cho ông D 35.000.000đ tiền phun thuốc phòng bệnh phấn trắng. Vào tháng 6/2017, Nông trường E đã làm thủ tục hoàn ứng số tiền.

Như vậy, Phạm Duy M đã thực nhận 884.000.000đ tiền tạm ứng sau đó đã chi thực tế và hoàn ứng tổng số tiền 139.565.000đ. Số tiền còn lại 744.435.000đ M đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Chiếm đoạt số tiền 1.517.168.656đ của các cán bộ công nhân Nông trường E trả tiền vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần B1 chi nhánh Bắc Đăk Lăk năm 2013.

Ngày 02/8/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần B1 chi nhánh bắc Đăk Lăk (Ngân hàng B1 bắc Đăk Lăk) cùng với Công ty Cao su E1 và cán bộ công nhân nông trường E do ông Lê Văn D làm đại diện, ký hợp đồng bảo lãnh số 01/2013/HĐ với nội dung Công ty Cao su E1 nhận bảo lãnh cho cán bộ công nhân nông trường E vay vốn tại ngân hàng B1 bắc Đăk Lăk. Cùng ngày, Ngân hàng B1 Bắc Đăk Lăk và các cán bộ công nhân nông trường E do ông Lê Văn D làm đại diện, ký hợp đồng tín dụng số 01/2013/CN/HĐ với nội dung Ngân hàng cho 182 cán bộ công nhân của nông trường vay số tiền 5.365.000.000đ. Hàng tháng Nông trường có trách nhiệm thu nợ, trả gốc và lãi cho Ngân hàng từ tháng 8/2013 đến tháng 8/2016. Sau khi Ngân hàng phát tiền cho cán bộ công nhân Nông trường, có 07 người không nhận tiền vay và 10 người nhận tiền vay ít hơn số tiền đăng ký, số tiền này các cán bộ công nhân đưa cho M, sau đó M đưa cho 10 người khác vay nhiều hơn số tiền đăng ký, còn lại 49.000.000đ thì M giữ sử dụng cá nhân. Như vậy chỉ có 175 cán bộ công nhân nông trường nhận tiền vay năm 2013 của Ngân hàng B1 Bắc Đăk Lăk.

Do M là phó giám đốc Nông trường phụ trách tài chính nên ông D giao cho M tiến hành thu tiền gốc, lãi hàng tháng của công nhân để trả cho Ngân hàng theo lịch. Lê Hữu B xác nhận việc nhận tiền lương của công nhân do M trực tiếp nhận hoặc nếu B nhận thì sẽ giao tiền ngay cho M vì M là người thu tiền gốc và lãi Ngân hàng của công nhân.

Từ tháng 8/2013 đến tháng 9/2015 (tương ứng với lương tháng 7/2013 đến lương tháng 8/2015), việc thu tiền gốc, lãi suất nợ ngân hàng do M phụ trách thực hiện. Trong quá trình thu tiền của cán bộ công nhân nông trường, M không nộp hết cho Ngân hàng mà sử dụng vào mục đích cá nhân do vậy việc trả tiền cho Ngân hàng bị chậm so với lịch trả nợ. Ngày 30/3/2015, M giả chữ ký của ông D ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/CN/HĐ với Ngân hàng B1 bắc Đắc Lắc điều chỉnh gia hạn lịch trả nợ đến tháng 7/2017. Tuy nhiên M vẫn thực hiện thu tiền của cán bộ công nhân Nông trường E theo lịch cũ.

Do việc nộp tiền Ngân hàng không đúng theo lịch nên vào ngày 17/9/2015, đại diện Ngân hàng B1 bắc Đắc Lắc đã làm việc với Công ty cao su E1 và Nông trường E thống nhất giao cho kế toán Công ty cao su E1 trực tiếp thu tiền khi phát lương cho nông trường để nộp cho Ngân hàng. Do vậy từ tháng 10/2015 (tương ứng với lương tháng 9/2015), kế toán Công ty tiến hành thu tiền, nộp cho Ngân hàng B1 bắc Đắc Lắc.

Trong thời gian từ tháng 8/2013 đến tháng 9/2015 (tương ứng với lương tháng 7/2013 đến lương tháng 8/2015), M đã thu tiền trả Ngân hàng của cán bộ công nhân Nông trường E với số tiền 5.279.236.983đ, trong đó thu trên bảng lương là: 4.472.044.634đ và thu của 67 cán bộ công nhân trả nợ trước hạn là: 807.192.349đ. Cùng thời gian trên, M trực tiếp hoặc đưa cho ông B nộp cho Ngân hàng số tiền là: 3.677.975.022đ (trong đó tiền gốc là 2.578.963.600đ, tiền lãi là 1.064.030.269đ, tiền lãi chậm là 34.981.153đ). Ngoài ra, M không nộp đúng theo lịch nên khi Kế toán Công ty trực tiếp thu tiền nộp cho Ngân hàng thì thu cao hơn số tiền trừ trên bảng lương. Do vậy, trong lương tháng 01, 02 và 3 năm 2016, số tiền phát về không đủ để phát cho công nhân nên M bù vào số tiền 84.093.305đ. Như vậy, M đã chiếm đoạt số tiền 1.517.168.656đ ($5.279.236.983 - 3.677.975.022 - 84.093.305 = 1.517.168.656$) sử dụng vào mục đích cá nhân.

Theo cung cấp của Ngân hàng B1 Bắc Đắc Lắc, tính đến ngày 07/7/2017, khoản vay trên còn dư nợ gốc là 1.516.998.585đ, dư nợ lãi trong hạn là 221.673.584đ, dư nợ lãi quá hạn là 62.476.248đ. Hiện tại, còn hai công nhân của Nông trường E chưa trả hết nợ tiền gốc cho Ngân hàng gồm bà Nay H1 còn nợ tiền gốc là 12.270.000đ và Nguyễn Xuân Th còn nợ tiền gốc là 8.180.000đ. Do đó số tiền M chiếm đoạt có 1.496.584.585đ là tiền gốc, còn lại 20.620.071đ là tiền lãi.

Như vậy, Phạm Duy M đã có hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn được giao chiếm đoạt tổng số tiền 2.261.603.656đ, trong đó chiếm đoạt 744.435.000đ tiền tạm ứng từ Công ty cao su E1 và chiếm đoạt số tiền 1.517.168.656đ của 175 cán bộ công nhân nông trường E vay vốn tại Ngân hàng B1 Bắc Đắc Lắc năm 2013.

* Tham ô tài sản:

- Tham ô tiền tạm ứng lương tháng 01/2016: Ngày 01/2/2016, ông Lê Văn D ký giấy đề nghị tạm ứng số tiền 380.000.000đ với lý do chi lương tháng 01/2016. Ngày 03/02/2016, Công ty cao su E1 chi số tiền 380.000.000đ tại phiếu chi số 206 cho M. Sau khi nhận tiền, M chỉ phát cho cán bộ công nhân số tiền 330.000.000đ, sau đó làm thủ tục hoàn ứng số tiền 330.000.000đ tại bảng tổng hợp thanh toán tiền lương tháng 01/2016. Số tiền 50.000.000đ còn lại, M đã chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Tham ô tiền mua tận thu tháng 01/2016: Ngày 02/3/2016, M nhận 19.788.000đ tiền mua tận thu tháng 01/2016 của nông trường E tại phiếu chi số 0270 nhưng không phát cho công nhân mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 17/6/2016, Công ty cao su E1 đã chi trả số tiền mua tận thu trên cho nông trường để phát cho công nhân.

- Tham ô tiền Công đoàn phí và quỹ công đoàn: Phạm Duy M là chủ tịch Công đoàn nông trường E theo Quyết định chuẩn y công nhận ban chấp hành, chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2012-2014. Nhiệm kỳ được điều chỉnh từ 2012-2014 thành 2012-2017 theo Công văn số 328/CV-CĐCS ngày 19/6/2014 của Công đoàn cao su Việt Nam. Trong ban chấp hành công đoàn nông trường, Phạm Duy M không phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các thành viên trong Ban chấp hành mà chỉ giao cho ông Phạm Phú H2 (Phó chủ tịch công đoàn nông trường E) phụ trách công tác phong trào. Không phân công ai làm nhiệm vụ kế toán, thủ quỹ mà tất cả lĩnh vực tài chính đều do M thực hiện. M là người thu tiền quỹ, quản lý tiền và chi tiền. Sau khi lập các phiếu thu, chi thì M giao cho Phạm Phú H2 và Trần An C (ủy viên ban chấp hành) ký vào các phiếu thu, chi để làm chế độ thanh toán. Theo quy định, Công đoàn nông trường được sử dụng 60% tiền công đoàn phí, 40% còn lại phải chuyển về Công đoàn công ty. Đồng thời, nếu không sử dụng hết số tiền 60% được sử dụng thì cũng phải chuyển lại cho Công đoàn công ty. Đối với các loại quỹ công đoàn, Công đoàn Nông trường có trách nhiệm thu và nộp lại về Công đoàn Công ty.

Trong năm 2015 và tháng 01/2016, Công đoàn Nông trường E đã thu, chi các khoản như sau:

Tổng các khoản thu là: 153.668.885đ, trong đó:

+ Công đoàn phí năm 2015 và tháng 01/2016 là: 128.230.000đ

+ Tiền quỹ Mái ấm công đoàn thu vào tháng 10/2015: 13.018.885đ

+ Quỹ vì người nghèo: 8.320.000đ

+ Quỹ xây đảo gạc ma: 4.100.000đ

Tổng chi của Công đoàn nông trường cao su E: 57.830.000đ

Căn cứ vào số liệu thu, chi xác định số tiền còn lại là 95.838.885đ do M quản lý và M đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Như vậy, Phạm Duy M đã có hành vi tham ô số tiền 165.626.885đ do mình có trách nhiệm quản lý, trong đó 50.000.000đ tiền tạm ứng chi lương tháng 01/2016, 19.788.000đ tiền mua tận thu của Nông trường E và 95.838.885đ tiền công đoàn phí và quỹ công đoàn.

Tại bản kết luận giám định số 166 ngày 10/4/2017; số 480 ngày 07/8/2017; số 170 ngày 17/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận:

Chữ ký mang tên Lê Văn D tại giấy đề nghị tạm ứng ngày 01/01/2016, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 14/01/2016, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 25/01/2016, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 28/01/2016, Giấy đề nghị tạm ứng ngày 02/02/2016, là do Phạm Duy M ký ra.

Chữ ký mang tên Phạm Duy M tại các phiếu chi số 05 ngày 04/01/2016, phiếu chi số 47 ngày 14/01/2016, phiếu chi số 99 ngày 27/01/2016, phiếu chi số 123 ngày 01/02/2016, phiếu chi số 208 ngày 03/02/2016, phiếu chi số 206 ngày 03/02/2016, phiếu chi số 0270 ngày 02/3/2016, là do Phạm Duy M ký ra.

Chữ ký mang tên Lê Văn D tại giấy đề nghị tạm ứng ngày 01/2/2016 là do ông Lê Văn D ký.

Chữ ký mang tên Lê Văn D dưới mục "Bên vay" trong văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2013/CN/HĐ ngày 02/8/2013 đề ngày 30/3/2015 không phải do ông Lê Văn D ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Duy M phạm tội “Tham ô tài sản” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Duy M 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phạm Duy M 18 (mười tám) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Phạm Duy M phải chấp hành cho cả hai tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 17/12/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2019, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến tháng 02/2016, bị cáo Phạm Duy M đã có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình là Phó giám đốc Nông trường E là đơn vị trực thuộc Công ty cao su E1 để giả chữ ký của Giám đốc nông trường tại các Giấy đề nghị tạm ứng tiền, nhận tiền tại Công ty cao su E1 để chiếm đoạt số tiền 744.435.000 đồng và lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong việc thu tiền của cán bộ công nhân Nông trường trả nợ khoản vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần B1 – Chi nhánh Bắc Đắc Lắc (B1 Đắc Lắc) nhưng không nộp trả cho Ngân hàng, để chiếm đoạt số tiền 1.517.168.656 đồng; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt số tiền do mình có trách nhiệm quản lý, gồm các khoản: 50.000.000 đồng tiền tạm ứng lương của Nông trường; 19.788.000 đồng tiền mủ cao su tận thu và 95.838.885 đồng tiền quỹ

Công đoàn và công đoàn phí.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố bị cáo Phạm Duy M phạm các tội “Tham ô tài sản” và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 353 và khoản 4 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Duy M, nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào 02 tội; Đối với tội “Tham ô tài sản” bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm; tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” bị truy tố, xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân. Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời xét bị cáo có nhân thân tốt, khai báo thật thà và khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Tham ô tài sản” là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt và 18 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” là dưới khung hình phạt bị truy tố, xét xử là phù hợp, không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Duy M; giữ nguyên Bản án án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Phạm Duy M 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Phạm Duy M 18 (mười tám) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Phạm Duy M phải chấp hành cho cả hai tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 17/12/2017.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Duy M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào